

Số: 4006/UBND-TH

Bình Định, ngày 20 tháng 8 năm 2015

V/v báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai tại các nông trường, lâm trường quốc doanh giai đoạn 2004-2014 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Kính gửi: Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Văn phòng Quốc hội tại Văn bản số 1837/VPQH-GS ngày 06/8/2015 về việc báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai tại các nông trường, lâm trường quốc doanh giai đoạn 2004 - 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Định, UBND tỉnh kính báo cáo như sau:

PHẦN I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

1. Khái quát về diện tích đất, rừng, dân số, dân tộc và tình hình kinh tế-xã hội của địa phương

- Bình Định là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ có tổng diện tích đất tự nhiên là 605.057,77ha; bao gồm: 497.822,87ha đất nông nghiệp (trong đó có 363.031,98ha đất lâm nghiệp), 70.355,59ha đất phi nông nghiệp và 36.879,31ha đất chưa sử dụng. Dân số năm 2014 là 1.514.179 người, trong đó, lao động làm việc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 468.100 người, chiếm 51,4% trong cơ cấu lao động; với 04 dân tộc, trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh chiếm 98%; cộng đồng các dân tộc ít người chiếm 2% (Ba na 1,14%, Hre 0,40%, Chăm).

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) Nông, lâm, thủy sản năm 2014 theo giá cố định 1994 đạt 3.959 tỷ đồng, tăng 7,06% /Chỉ tiêu kế hoạch 3,6 %.

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2014 (theo giá so sánh 1994) ước đạt 6.188 tỷ đồng, tăng 6,9% so với cùng kỳ. Trong đó, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ước đạt 3.957 tỷ đồng, tăng 6,9% (giá trị lĩnh vực trồng trọt đạt 2.150 tỷ đồng, tăng 8,6%, chăn nuôi đạt 1.708 tỷ đồng, tăng 5,2%), lâm nghiệp đạt 364 tỷ đồng, tăng 14,7% và thủy sản đạt 1.867 tỷ đồng tăng 5,7 %.

2. Tình hình thiếu đất ở và đất sản xuất trên địa bàn tỉnh hiện nay

Căn cứ Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn bản đặc biệt

khó khăn giai đoạn 2011-2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 26/12/2014; trong đó:

a. Số hộ thiếu đất ở giai đoạn 2005 – 2008 (có thể tính chung bình quân cho năm 2004, 2008 như đề cương báo cáo yêu cầu) là 452 hộ với diện tích đất thiếu là 4,82 ha. Các địa phương đã cân đối quỹ đất để giải quyết cơ bản nhu cầu thiếu đất ở cho hộ nghèo đồng-bào DTTS (chủ yếu giải quyết đất ở gắn với hỗ trợ xây dựng hỗ trợ nhà ở). Về đất sản xuất giai đoạn 2005 – 2008: toàn tỉnh đã khai hoang được 72,5 ha đáp ứng đủ nhu cầu đất sản xuất cho 174 hộ gia đình, như vậy giai đoạn 2005 – 2008 không có hộ thiếu đất sản xuất.

b. Tổng số hộ thiếu đất ở, đất sản xuất và diện tích đất thiếu năm 2014:

+ Tổng số hộ thiếu đất ở là 1.299 hộ, mức giao diện tích đất ở tối thiểu cho mỗi hộ bình quân 200 m²/hộ, diện tích đất thiếu là 24,22 ha; trong đó đồng bào DTTS là 1.299 hộ, diện tích đất thiếu là 24,22 ha.

+ Tổng số hộ không có đất sản xuất là 2.111 hộ chiếm 18,53% trong đó huyện An Lão 1.016 hộ, huyện Vĩnh Thạnh 605 hộ, huyện Vân Canh 277 hộ, huyện Hoài Ân 143 hộ, huyện Tây Sơn 52 hộ, huyện Hoài Nhơn 18 hộ.

+ Tổng số hộ thiếu đất sản xuất (đất nông, lâm nghiệp bình quân <01 ha và <0,5 ha đất nông nghiệp) là 5.256 hộ chiếm 46,14% trong đó huyện An Lão 1.856 hộ, huyện Vĩnh Thạnh 1.733 hộ, huyện Vân Canh 312 hộ; huyện Hoài Ân 893 hộ, huyện Tây Sơn 309 hộ, huyện Hoài Nhơn 153 hộ; trong đó diện tích đất thiếu là 1.359,7 ha.

II. SỐ LƯỢNG LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH (bao gồm lâm trường, ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng)

1) Tóm tắt sơ lược quá trình hình thành và phát triển lâm trường quốc doanh (LTQD) trên địa bàn tỉnh (bao gồm lâm trường, ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng)

a) Trước năm 2004 trên địa bàn tỉnh Bình Định có 09 lâm trường do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý bao gồm: Lâm trường An Sơn, Sông Kôn, Hà Thanh, Quy Nhơn, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát và Tây Sơn.

b) Sau khi sắp xếp các lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định 187/1999/QĐ-TTg ngày 16/9/1999 và Nghị định 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 thì hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Định có 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp trực thuộc UBND tỉnh quản lý, bao gồm: Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, Hà Thanh và Quy Nhơn. 8 Ban Quản lý rừng phòng hộ do UBND các huyện quản lý, bao gồm Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh và An Lão; 01 Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

2) Số lượng LTQD trước năm 2004 trên địa bàn tỉnh, thành phố, trong đó do địa phương và TW quản lý

a) Trước năm 2004 trên địa bàn tỉnh Bình Định có 09 lâm trường Quốc doanh là Lâm trường An Sơn, Sông Kôn, Hà Thanh, Quy Nhơn, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát và Tây Sơn, trong đó:

+ Do địa phương (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trực tiếp quản lý 09 lâm trường trên.

+ Trung ương quản lý: không.

b) Sau khi sắp xếp các lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 187/1999/QĐ-TTg ngày 16/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, đến nay trên địa bàn tỉnh Bình Định chỉ còn 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, 08 Ban Quản lý rừng phòng hộ và 01 đơn vị rừng đặc dụng, trong đó:

+ Trung ương quản lý : không.

+ UBND tỉnh quản lý trực tiếp: 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sông Kôn, Hà Thanh và Quy Nhơn.

+ UBND các huyện quản lý: 08 Ban Quản lý rừng phòng hộ là Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Vân Canh và An Lão.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp quản lý: là Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn là đơn vị sự nghiệp công lập.

3) Tình hình phân bố lâm trường quốc doanh

Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh đóng trụ sở tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh; Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đóng trụ sở tại thị trấn Định Bình, huyện Vĩnh Thạnh và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quy Nhơn có trụ sở tại phường Nhơn Phú thành phố Quy Nhơn.

4) Tình hình cán bộ, công nhân viên và người lao động trực tiếp của lâm trường quốc doanh

- Tổng số lao động của các lâm trường năm 2004 là 413 người, trong đó bộ phận quản lý 126 người, bộ phận trực tiếp sản xuất 287 người.

+ Số lao động trong danh sách có việc làm do lâm trường trả lương 350 người; Số lao động trong danh sách chuyển sang chế độ nhận khoán lâm trường không trả lương 63 người.

+ Số lao động trong danh sách lâm trường đóng BHXH (*lâm trường đóng 15%, người lao động 5%*) là 343 người; số lao động trong danh sách nhận khoán người lao động đóng 20% là 70 người.

5) Tình hình dân cư sống trên địa bàn của lâm trường quốc doanh

Dân cư sống gần rừng đa số là hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số là nhân dân địa phương; nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp và canh tác nương rẫy, sống dựa vào rừng, thông qua thu hoạch sản phẩm từ rừng như mật

ong, các loại nấm, song mây, sa nhân, trái ươi, xoay. Dân cư sống trên địa bàn thuộc đất của LTQD: không có.

6) Tổng số hộ gia đình sống trên đất quy hoạch của LTQD, trong đó hộ gia đình là cán bộ công nhân viên? Hộ gia đình là nhân dân địa phương

+ Diện tích đất ở của các hộ gia đình nằm trong đất quy hoạch của LTQD, trong đó hộ gia đình là cán bộ công nhân viên: không có; Hộ gia đình là nhân dân trên địa bàn: không có.

+ Diện tích đất sản xuất của các hộ gia đình nằm trong đất quy hoạch của LTQD, trong đó hộ gia đình là cán bộ công nhân viên: không có; Hộ gia đình là nhân dân trên địa bàn: không có.

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI TRONG CÁC LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH ĐẾN NĂM 2004

1) Tình hình đất đai của các lâm trường quốc doanh quản lý đến năm 2004

Đến năm 2004, diện tích đất Nhà nước giao cho các lâm trường và các Ban Quản lý rừng phòng hộ quản lý sử dụng là 179.990 ha; trong đó: Lâm trường An Sơn 36.018 ha, Lâm trường Sông Kôn 24.944 ha, Lâm trường Hà Thanh 33.368 ha, Lâm trường Quy Nhơn 12.084 ha, Ban QLRPH Tây Sơn 17.386 ha, Ban QLRPH Hoài Nhơn 4.657 ha, Ban QLRPH Phù Mỹ 8.859 ha, Ban QLRPH Phù Cát 16.024 ha, Ban QLRPH Hoài Ân 26.470 ha (*Chi tiết có biểu số 4 kèm theo*).

2) Tình hình quản lý sử dụng đất đai của lâm trường quốc doanh đến năm 2004

a) Tình hình quy hoạch, đo đạc, rà soát cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Các lâm trường, Ban Quản lý rừng phòng hộ được UBND tỉnh giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào mục đích lâm nghiệp theo các Quyết định như sau:

- Lâm trường An Sơn: Quyết định số 3750/QĐ-UB ngày 25/10/2001 và Quyết định số 109/QĐ-UB ngày 18/01/2005.

- Lâm trường Sông Kôn: Quyết định số 2532/QĐ-CTUB ngày 01/9/2004 và Quyết định số 4483/QĐ-UB ngày 07/12/2001.

- Lâm trường Hà Thanh: Quyết định số 4482/QĐ-UB ngày 97/12/2001.

- Lâm trường Quy Nhơn: Quyết định số 4116/QĐ-UBND ngày 20/11/2001, Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 20/11/2001 và Quyết định số 4481/QĐ-UBND ngày 07/12/2001.

- Ban QLRPH Tây Sơn được UBND tỉnh giao đất lâm nghiệp theo Quyết định số 2643/QĐ-CTUB ngày 15/9/2004.

- Lâm trường Phù Cát được UBND tỉnh giao đất lâm nghiệp theo Quyết định số 1991/QĐ-UB ngày 24/6/1996.

- Lâm trường Hoài Nhơn được UBND tỉnh giao đất lâm nghiệp theo Quyết định số 798/QĐ-UB ngày 17/4/1995.

- Ban QLRPH Phù Mỹ: Quyết định số 1911/QĐ-UB ngày 30/6/2004.

- Ban QLRPH Hoài Ân: Quyết định số 1993/QĐ-UB ngày 13/7/2004.

Tình hình đo đạc bản đồ, cấp giấy chứng nhận QSDĐ: tại thời điểm từ năm 2004 về trước, tài liệu bản đồ sử dụng cho việc giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào mục đích lâm nghiệp sử dụng bản đồ địa hình biên vẽ lại từ bản đồ gốc tỷ lệ nhỏ (1/25.000, 1/50.000), sau đó rà soát, tính diện tích bằng phương pháp thủ công nên độ chính xác không cao; mặt khác, do tỷ lệ bản đồ nhỏ nên chưa tách được diện tích các loại đất sản xuất nông nghiệp xen lẫn trong đất lâm nghiệp.

b) Tình hình tranh chấp, lấn chiếm đất đai, cho thuê, cho mượn, lấn chiếm, chuyển đổi rừng

- Tổng diện tích được giao quản lý: 179.990 ha; trong đó:

+ Diện tích lâm trường tự tổ chức sản xuất: 151.555 ha.

+ Diện tích cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng sai mục đích: 882 ha.

+ Diện tích liên doanh, liên kết: 428 ha.

+ Diện tích tranh chấp, lấn chiếm: 926 ha.

+ Diện tích đất giao khoán: 28.435 ha, trong đó:

Khoán theo Nghị định 01/CP: 26.138 ha.

Khoán công đoạn: 2.296 ha.

(Chi tiết có biểu 5 kèm theo)

- Việc giao đất, giao rừng trước đây còn có sự chồng chéo, trùng lặp giữa hộ gia đình với tổ chức, giữa tổ chức với tổ chức, hồ sơ giao đất cho hộ thiếu rõ ràng, khó nhận biết trên thực địa (bản đồ không có tọa độ, không mô tả rõ ràng), rừng được giao nhưng chưa đánh giá chất lượng, trữ lượng và giá trị nên gây khó khăn cho công tác quản lý, đầu tư phát triển rừng.

- Tình hình xử lý tranh chấp, lấn chiếm đất đai trước đây diễn biến phức tạp, Tuy nhiên, thời gian qua các Công ty đã phối hợp tốt với các cấp và chính quyền địa phương vận động, giải thích các hộ giao trả lại đất đai bị lấn chiếm, trường hợp hộ nào không chấp hành ngoan cố thì chính quyền địa phương xử lý cưỡng chế nhổ bỏ cây trồng thu lại đất, trừ một số trường hợp hộ lấn chiếm là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ đồng bào ngoài tỉnh xâm canh đến nay chưa xử lý dứt điểm, các trường hợp còn lại cơ bản giải quyết ổn thỏa. Đến nay tình hình này tương đối đã ổn định, diện tích rừng từ khi giao cho các Công ty được quản lý chặt chẽ, số vụ và diện tích vi phạm giảm hơn so với trước đây.

IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI CỦA CÁC LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH ĐẾN NĂM 2004

1) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với từng loại rừng: sản xuất, đặc dụng, phòng hộ

- Tổng doanh thu bình quân : 15.423,69 triệu đồng.
- Các khoản nộp ngân sách: 3.597,63 triệu đồng.
- Cân đối: lãi 1.720,09 triệu đồng (riêng Lâm nông trường Đèo Nhông và BQL Hoài Ân lỗ 52,78 triệu đồng).
- Thu nhập bình quân của người lao động 620.000 đồng/người/tháng.

2) Những kết quả đã đạt được về quản lý, sử dụng đất đai trong các lâm trường quốc doanh

a) Diện tích đất rừng

Năm 2004 tổng diện tích đất tự nhiên được giao cho các lâm trường quản lý sử dụng là 179.990 ha; năm 2014 là 227.118 ha, diện tích tăng được lên **47.128 ha**. Nguyên nhân tăng là do khi bàn giao do áp dụng bản đồ số theo phân cấp ba loại rừng có một số tiểu khu tăng so bản đồ giấy ban đầu và đất rừng của các địa phương cấp xã UBND xã quản lý chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào, nay thực hiện quy hoạch 3 loại rừng, tiếp tục giao thêm đất cho các lâm trường để thực hiện dự án 5 triệu ha rừng;

Các Công ty đã tiến hành rà soát điều chỉnh bố trí, lập phương án xác định và cắm mốc ranh giới các loại đất rừng phù hợp theo quy hoạch 03 loại rừng, xây dựng quy hoạch sử dụng đất cho phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ cảnh quan...

b) Tình hình giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc, dân cư sống gần rừng, tham gia phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, tăng cường PCCCR, giảm mạnh hoạt động lâm tặc.....)

- Các lâm trường đã hoàn thành công tác rà soát quỹ đất do lâm trường quản lý, đã được sự thống nhất của chính quyền địa phương (có biên bản bàn giao cụ thể vị trí, diện tích và ranh giới ngoài hiện trường) và được UBND tỉnh giao đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các lâm trường đã từng bước xây dựng phương án về quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên rừng, bố trí quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hợp lý hơn.

- So với thời gian trước năm 2000; đến năm 2004, các lâm trường từng bước chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng ra các lĩnh vực kinh doanh khác, áp dụng phương thức liên doanh liên kết với các đơn vị chế biến lâm sản, hộ dân trồng rừng sản xuất, thực hiện theo cơ chế quản lý mới, giao khoán vườn cây ổn định lâu dài cho người nhận khoán gắn với sản phẩm cuối cùng.

- Các lâm trường đã thực hiện khoán quản lý bảo vệ với diện tích 28.435ha cho các hộ và nhóm hộ tham gia, rừng bước đầu đã có chủ, đời sống của các hộ tham gia nhận khoán đã được cải thiện, tình trạng phá rừng làm rẫy, khai thác lâm sản trái phép đã giảm đi một cách đáng kể, các lâm trường tiến hành thực hiện tốt quy chế phối hợp quản lý bảo vệ rừng giữa các đơn vị chủ

rừng với cơ quan kiểm lâm, các ngành chức năng của huyện và các cấp chính quyền xã, thôn, bản nên đã kịp thời ngăn chặn những vụ việc khai thác rừng trái phép;

- Thực hiện chủ trương xã hội hóa lâm nghiệp của Đảng và Nhà nước, các Công ty đã tích cực xây dựng và triển khai các dự án về lĩnh vực nông lâm nghiệp, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm hộ gia đình và cá nhân, góp phần tăng thu nhập xã hội. Mặt khác thực hiện chủ trương của tỉnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các Công ty cũng đã chuyển đổi một số diện tích đất rừng trồng cây Bạch đàn kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả thông qua các mô hình kinh tế vườn rừng, trang trại, diện tích rừng trồng đã tăng lên đáng kể, phát huy vai trò phòng hộ ven biển, cải thiện môi trường cảnh quan và nâng độ che phủ của rừng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là nâng cao môi trường cảnh quan của thành phố Quy Nhơn.

- Việc sử dụng diện tích Công ty bàn giao cho địa phương đã giao lại cho hộ dân, một số hộ đã thực hiện tốt việc trồng rừng. Bên cạnh còn một số diện tích không nhỏ sử dụng không hiệu quả, bỏ hoang hóa.

- Thời gian qua hầu như các Công ty đều đầu tư trồng rừng thâm canh công nghệ cao theo mô hình khép kín từ khâu sản xuất, tuyển chọn giống cây trồng, trồng rừng, khai thác và chế biến, tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng. Đặc biệt trong tình hình kinh tế khó khăn các Công ty đã mạnh dạn đầu tư liên doanh, liên kết xây dựng mới hoặc tham gia cổ phần với các Nhà máy dăm, Nhà máy mì.....với mục đích phát triển bền vững từ đầu tư tạo vùng nguyên liệu tốt đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên kết hợp trồng bổ sung đã có những chuyển biến tích cực, Nhà nước đã bố trí kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc nên diện tích khoanh nuôi đạt tiêu chuẩn rừng ngày càng tăng.

2) Những tồn tại, yếu kém về quản lý, sử dụng đất đai trong các lâm trường quốc doanh

- Ý thức chấp hành công tác QLBR của một bộ phận người dân nhận khoán chưa cao, chưa thực sự coi rừng của nhà nước là của mình, sự gắn bó giữa quyền lợi và trách nhiệm còn lỏng lẻo.

- Chưa khai thác hết tiềm năng đất đai, lâm sản phụ dưới tán rừng do nhà nước cho phép hộ nhận khoán được khai thác, tiêu thụ.

- Quản lý đất đai chưa chặt chẽ, còn xảy ra tình trạng giao đất lâm nghiệp chồng chéo, tình trạng đất lấn chiếm chưa được giải quyết triệt để.

- Hiệu quả sử dụng đất còn thấp, do nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, công tác trồng rừng sản xuất chưa được chú trọng.

- Diện tích đất Công ty quản lý hàng năm thường biến động lớn do Nhà nước thu hồi đất để chuyển đổi sang mục đích khác như: Xây dựng và mở rộng các Khu, Cụm công nghiệp, an ninh quốc phòng, nghĩa địa, các doanh nghiệp khác.

- Tình hình chặt phá rừng, tự ý vào lấn, bao chiếm đất lâm nghiệp, đốt ong, đốt nhang, vàng mã gây ra cháy rừng vẫn còn diễn biến phức tạp, mặc dù hàng năm các công ty đã phối hợp với kiểm lâm và chính quyền địa phương các xã, phường tuyên truyền phổ biến về công tác PCCCR và pháp luật Bảo vệ rừng rộng rãi đến người dân.

3) Nguyên nhân

a) Nguyên nhân từ cơ chế chính sách

- Do kinh phí Nhà nước cấp cho công tác giao khoán, bảo vệ rừng không đủ và định mức khoán/ 01ha quá thấp so với mặt bằng giá hiện nay nên người dân chưa thực sự yên tâm chăm sóc, bảo vệ; chưa thực sự khuyến khích các tổ chức tham gia hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; do vậy có lúc, có nơi còn để xảy ra tình trạng xâm hại rừng. Quy hoạch 03 loại đất rừng nhiều lần thay đổi, điều chỉnh, bổ sung nên công tác quản lý chưa theo kịp.

- Tài liệu bản đồ sử dụng cho việc giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào mục đích lâm nghiệp sử dụng bản đồ địa hình biên vẽ lại từ bản đồ gốc tỷ lệ nhỏ, chưa tách được diện tích các loại đất sản xuất nông nghiệp xen lẫn trong đất lâm nghiệp và việc tính diện tích bằng phương pháp thủ công nên độ chính xác không cao.

b) Nguyên nhân từ công tác quản lý, lãnh đạo của các cấp chính quyền

Hệ thống tổ chức ngành ở cấp huyện, xã có nhiều diện tích rừng tại một số địa phương chưa bố trí được cán bộ lâm nghiệp chuyên trách và thường không ổn định; do vậy, việc tham mưu cho chính quyền địa phương về quản lý đất lâm nghiệp chưa kịp thời, thiếu hiệu quả. Hệ thống tổ chức ngành ở cấp huyện, xã chưa đầy đủ; các huyện, xã có diện tích rừng nhiều không có đội ngũ cán bộ lâm nghiệp chuyên trách, kiểm lâm địa bàn kiêm nhiệm nhiều xã; do vậy, việc tham mưu cho chính quyền địa phương chưa kịp thời hiệu quả. Bên cạnh đó, sự phối hợp, hỗ trợ của các ngành chức năng trong công tác bảo vệ rừng, ngăn chặn, xử lý hành vi phá rừng đôi lúc còn thiếu đồng bộ, chưa kịp thời, cho rằng việc bảo vệ rừng là trách nhiệm của các lâm trường;

c) Nguyên nhân từ nội tại của các lâm trường quốc doanh

- Một số lâm trường có đất nằm gần khu vực dân cư đang phát triển, chịu sức ép lớn về nhà ở, đất đai và ý thức chấp hành luật pháp của nhân dân chưa cao. Tiềm năng đất đai chưa được phát huy tốt; hiệu quả sử dụng đất còn thấp, tình trạng lấn chiếm đất để sản xuất nương rẫy, trồng rừng vẫn chưa được giải quyết triệt để và việc báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền giải quyết đôi khi chưa kịp thời làm nảy sinh một số vấn đề phức tạp.

PHẦN II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI TẠI CÁC LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH TỪ 2004 - 2014

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý đất đai trong các lâm trường quốc doanh

a) Các văn bản pháp lý liên quan đến chính sách pháp luật về đất đai đối với các lâm trường quốc doanh giai đoạn 2004-2014

- Quyết định 187/1999/QĐ-TTg ngày 16/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý lâm trường quốc doanh.

- Nghị định 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường quốc doanh.

- Thông tư số 04/2005/TT-BTNMT ngày 18/7/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn biện pháp quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường quốc doanh.

- Công văn số 6145/VPCP-KTN ngày 30/8/2010 của Văn phòng chính phủ thông báo chỉ đạo của Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Sinh Hùng về tiếp tục đổi mới, phát triển nông lâm trường quốc doanh.

- Công văn số 2773/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 02/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn rà soát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tại tỉnh Bình Định.

- Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/2/2015 (có hiệu lực từ ngày 15/4/2015) quy định về việc lập phương án sử dụng đất, đo đạc, lập bản đồ địa chính, xác định giá cho thuê đất, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

b) Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về quản lý đất đai trong các lâm trường quốc doanh

Các Công ty đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn tại các địa phương (trong đó có cán bộ làm công tác lâm nghiệp) về pháp luật đất đai (văn bản luật, văn bản dưới luật, văn bản của UBND tỉnh); trong đó có lưu ý các quy định của pháp luật đất đai về quản lý sử dụng đất lâm nghiệp. Qua các đợt tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về pháp luật đất đai, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; nhận thức của cán bộ, nhân dân trong vùng có đất lâm nghiệp được nâng lên từng bước, số vụ vi phạm về lấn, chiếm, chuyển mục đích đất rừng trái phép, tình trạng đổi nương làm rẫy giảm nhiều so với thời gian trước năm 2004.

2. Công tác tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện của địa phương về quản lý, sử dụng đất đai trong các lâm trường quốc doanh

Giai đoạn 2004-2014, công tác quản lý nhà nước về đất lâm nghiệp do các lâm trường quản lý của chính quyền địa phương đã ngày càng chặt chẽ hơn. Hàng năm, Sở Tài nguyên - Môi trường đã phối hợp Sở NN-PTNT, các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố để nắm diễn biến về đất lâm nghiệp tại các lâm trường quốc doanh. Công tác rà soát quỹ đất lâm nghiệp theo quy hoạch 03 loại đất rừng do các đơn vị quản lý đã được các địa phương tiến hành thường xuyên. Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác

quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp trong các lâm trường ngày càng chặt chẽ, hiệu quả so với thời gian trước năm 2004.

3. Kết quả thẩm định, phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển các lâm trường quốc doanh

- Sau khi sắp xếp các lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Nghị định 200/2004/NĐ-CP của Chính phủ, hiện nay tại tỉnh có 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp với tổng diện tích đất được giao quản lý, sử dụng là 42.341 ha; trong đó: Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh 18.778 ha, Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn 10.396 ha, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn 12.566 ha và Tổng Cty PISICO: 601 ha.

- Diện tích đất giữ lại để sản xuất kinh doanh : 29.914 ha, trong đó đất chưa sử dụng 29.899 ha và đất khác 16 ha.

- Diện tích đất giao cho các Ban QLRPH, Ban QLR đặc dụng là 184.777ha.

- Tổng diện tích đất đã thu hồi và bàn giao về địa phương: 25.649 ha.

- Lâm trường chuyển thành ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng như sau:

TT	Tên Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Diện tích đất đang quản lý, sử dụng năm 2014 (ha)	Diện tích đất lâm nghiệp đang sử dụng (ha)	Diện tích đất chưa sử dụng (ha)	Diện tích đất khác (ha)
1	BQLRĐD An Toàn	17 772	13 768	4 003	1
2	BQLRPH An Lão	25 486	22 580	2 906	0
3	BQLRPH Hoài Ân	26 354	17 472	8 882	0
4	BQLRPH Hoài Nhơn	7 844	6 670	1 175	0
5	BQLRPH Phù Mỹ	14 298	10 454	3 844	0
6	BQLRPH Phù Cát	12 079	9 715	2 364	0
7	BQLRPH Tây Sơn	25 451	25 397	51	3
8	BQLRPH Vĩnh Thạnh	20 314	18 428	1 887	0
9	BQLRPH Vân Canh	35 179	34 731	448	0
	Tổng cộng	184 777	159 215	25 558	4

+ Diện tích đất được quy hoạch để phát triển rừng phòng hộ , rừng đặc dụng: 29.899 ha.

+ Diện tích đất khác là 16 ha.

(Diện tích đất các ban quản lý rừng đang quản lý biểu 11 đính kèm)

4) Lâm trường giải thể chuyển giao đất về cho địa phương quản lý:
không.

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH (CÔNG TY LÂM NGHIỆP, BAN QUẢN LÝ RỪNG) TỪ 2004 -2014

1. Tình hình diễn biến đất đai từ 2004 – 2014

a) Năm 2004 tổng diện tích đất tự nhiên được giao cho các lâm trường quản lý sử dụng là 179.990 ha.

b) Năm 2014 là 227.118 ha tăng 47.128 ha.

c) Nguyên nhân tăng: chủ yếu do nhận bàn giao từ diện tích đất lâm nghiệp của Chi cục Kiểm lâm (thời kỳ trực thuộc UBND tỉnh) bàn giao sang và do thực hiện quy hoạch lại 03 loại rừng, trong đó có diện tích đất lâm nghiệp trước đây do UBND xã quản lý, chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào, nay thực hiện quy hoạch 3 loại rừng đó là đất rừng phòng hộ nên giao lại cho các Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý bảo vệ (*Chi tiết có biểu 11 kèm theo*).

2. Tình hình quản lý, sử dụng đất, rừng

a) Tình hình rà soát, điều chỉnh quy hoạch, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, rừng

Từ khi hình thành các Ban Quản lý rừng và các Công ty TNHH lâm nghiệp, các đơn vị này kế thừa hồ sơ đất đai và quản lý diện tích đất đã được Nhà nước giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các nông, lâm trường quốc doanh trước đây; hiện các đơn vị này làm thủ tục đăng ký, giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo pháp nhân mới hiện nay.

Nguyên nhân là do sau khi tỉnh thực hiện sắp xếp, tổ chức xong các đơn vị mới từ các lâm trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo Nghị định 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 178/2006/QĐ-TTg ngày 03/8/2006 thì đồng thời, đến thời điểm này tỉnh cũng tiến hành lập qui hoạch 03 loại đất rừng theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp-Phát triển và ngày 28/2/2008, UBND tỉnh có Quyết định số 110/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch 03 loại đất rừng trên địa bàn tỉnh, trong đó chiếm phần lớn là diện tích đất lâm nghiệp do các Công ty lâm nghiệp, các Ban Quản lý rừng phòng hộ đang quản lý. Do nhu cầu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thay đổi (xây dựng các hồ, đập thủy điện, qui hoạch đất nương rẫy để giao đất cho đồng bào dân tộc thiểu số...) nên qui hoạch 03 loại đất rừng tiếp tục biến động; cụ thể: ngày 09/11/2009, UBND tỉnh có Quyết định số 782/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung qui hoạch 03 loại đất rừng trên địa bàn tỉnh và đến ngày 04/8/2010, UBND tỉnh tiếp tục có Quyết định số 358/QĐ-UBND về việc chuyển diện tích đất lâm nghiệp dự phòng dự phòng, đất nằm ngoài qui hoạch 03 loại đất rừng và diện tích đất nương rẫy trên đất đồi núi dốc sang qui hoạch đất lâm nghiệp (điều chỉnh, bổ sung thêm 63.980ha); do vậy, đất lâm nghiệp (rừng sản xuất) do 03 Công ty lâm nghiệp (cũng như các Ban QLRPH và Ban QLRRĐ) được tạm giao quản lý (sau khi sắp xếp các lâm trường) đến nay mới ổn định.

Trên cơ sở hiện trạng, qui hoạch đất lâm nghiệp hiện nay do các đơn vị hình thành từ các lâm trường quốc doanh đang quản lý trên địa bàn tỉnh và căn cứ Công văn số 2773/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 02/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định đã tham mưu đề UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 113/BC-UBND ngày 29/8/2014 về việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ việc rà soát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tại tỉnh Bình Định, nhưng đến nay chưa nhận được văn bản chỉ đạo của Trung ương, do vậy công tác cắm mốc, giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các đơn vị hình thành sau sắp xếp từ các lâm trường trước đây chưa thực hiện được.

b) Tình hình xử lý tranh chấp, lấn chiếm đất đai

- Tiếp tục xử lý các trường hợp cho thuê, cho mượn đất, đất bị lấn chiếm, tranh chấp, đất liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư; đất giao khoán, đất ở, đất kinh tế hộ gia đình. Hiện nay, việc giải quyết tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp tại các đơn vị hình thành từ các lâm trường trước đây gặp một số khó khăn, phức tạp; điển hình tại 02 đơn vị: thứ nhất, là giải quyết việc di dân đã sinh sống từ lâu trong vùng đất do Ban Quản lý rừng đặc dụng tại xã An Toàn, huyện An Lão. Hiện nay, người dân vẫn sinh sống, canh tác trên đất sản xuất nông nghiệp trong vùng lõi rừng đặc dụng mà chưa có điều kiện di dời ra bên ngoài khu vực cấm. Do vậy gây không ít khó khăn cho công tác bảo tồn, bảo vệ. Thứ hai là, diện tích 730 ha đất quy hoạch rừng sản xuất (326,7ha đất có rừng trồng và 403,3ha đất trống) do Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn quản lý thuộc địa bàn huyện Vĩnh Thạnh. Diện tích này Công ty đã quản lý và trồng rừng từ các năm trước đây và tiến hành khai thác từ năm 2009 đến năm 2014. Trong quá trình khai thác, người dân các xã Tú An, Xuân An, Cửu An thuộc thị xã An Khê (tỉnh Gia Lai) đã lấn chiếm đất trồng hoa màu, phá hoại cây trồng của Công ty. Việc này các ngành chức năng 02 tỉnh đã họp bàn giải quyết nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết được.

c) Tình hình số vụ phá rừng, cháy rừng và diện tích rừng bị xâm hại

- Từ năm 2004 đến năm 2014, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 266 vụ cháy rừng, thiệt hại 1.124,44 ha rừng, trong đó cháy rừng trên diện tích đất của các công ty lâm nghiệp 47 vụ, thiệt hại 128,61 ha và cháy rừng tại các Ban quản lý rừng phòng hộ 30 vụ, thiệt hại 114,14 ha, số vụ cháy rừng còn lại là thuộc hộ dân;

- Từ năm 2004 đến năm 2014, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 871 vụ phá rừng làm nương rẫy, lấn chiếm đất rừng, thiệt hại 480 ha rừng.

d) Tình hình giao đất ở, đất sản xuất về cho địa phương quản lý

Diện tích đất lâm trường bàn giao về cho địa phương quản lý: 25.649 ha, dự kiến giao thêm cho địa phương: 2.366 ha

e) Tình hình giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất bằng quỹ đất của công ty lâm nghiệp

Đã chính thức giao cho địa phương 903 ha, dự kiến giao thêm cho địa phương: 1.541 ha.

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, triển khai quyết liệt. Quá trình thực hiện, đã tạo được sự đồng thuận trong hệ thống chính trị, các cấp chính quyền, nhân dân đồng tình ủng hộ, đồng bào dân tộc thiểu số rất phấn khởi, tích cực thực hiện.

- Nhiều hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vì không có nơi ở, không có tư liệu sản xuất, nay đã được hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất. Nhiều gia đình đã tự nguyện chia sẻ đất ở, đất sản xuất cho con, cháu; sang nhượng đất cho các hộ đang gặp khó khăn về đất sản xuất và đất ở. Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo được Nhà nước hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, rất phấn khởi, yên tâm, không du canh du cư, di cư tự do, đã và đang nỗ lực sản xuất, cố gắng vươn lên thoát nghèo.

g) Tình hình chuyển mục đích đất rừng

- Từ năm 1998 đến nay trên địa bàn tỉnh có 88 đơn vị xin chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác không phải đất lâm nghiệp (khai thác khoáng sản, làm đường, thủy điện, nuôi trồng thủy sản...). Tổng diện tích đất lâm nghiệp chuyển sang mục đích khác là 1.513,96 ha (phòng hộ 1.323,96 ha, sản xuất 190,0 ha).

- Theo thống kê của Sở Tài nguyên và Môi trường, năm 2014 trên địa bàn tỉnh số diện tích đất rừng của các công ty lâm nghiệp và của các BQL rừng phòng hộ tự tổ sản xuất là 114.991 ha, đất tranh chấp, lần chiếm chưa giải quyết là 981 ha, diện tích đất lâm nghiệp chưa sử dụng là 29.899 ha, diện tích đất đã giao khoán là 83.323 ha.

h) Số lượng, chất lượng lao động của công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ

- Về lao động

Số lượng, chất lượng lao động của Công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng bình quân từ năm 2004 đến năm 2014 như sau:

- Tổng số lao động bình quân 10 năm của 03 Công ty: 1.060 người, trong đó lao động trong danh sách là 221 người (bộ phận quản lý 46 người, bộ phận trực tiếp sản xuất 175 người), lao động hợp đồng là 839 người (hợp đồng trên 6 tháng 89 người, hợp đồng thời vụ 750 người);

Tổng số biên chế hiện có năm 2014 của các Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng là 125 người trong đó cán bộ quản lý 67 người, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách 58 người.

(Chi tiết có biểu 13 kèm theo)

Theo số liệu báo cáo của các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, nguồn nhân lực có trình độ đại học, cao đẳng chiếm tỷ lệ 47,3%; trung cấp 25,2%, sơ cấp 15,3%; và lao động phổ thông 12,2%.

Từ số liệu nêu trên cho thấy, nguồn nhân lực của các đơn vị có trình độ còn thấp, tình trạng vừa “thiếu” vừa “yếu” như hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu trong

việc thực thi nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng của các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng.

Theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg của Chính phủ, lực lượng chuyên trách để bảo vệ rừng đặc dụng bình quân là 500 ha/người, bảo vệ rừng phòng hộ bình quân là 1.000 ha/người, thì tổng số lượng bảo vệ rừng chuyên trách phải là 163 người. Hiện nay các ban quản lý mới có 58 cán bộ chuyên trách bảo vệ rừng (cho rừng phòng hộ, rừng đặc dụng). Như vậy, số lượng bảo vệ rừng chuyên trách còn thiếu 105 người.

i) Hiệu quả kinh tế bình quân/năm trong 10 năm

Tổng doanh thu của doanh nghiệp, lợi nhuận trước thuế, thu nhập bình quân của người lao động, nộp ngân sách nhà nước, giá trị thu nhập bình quân/ha:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Cty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh Bình quân 2004-2014	Cty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn Bình quân 2004-2014	Cty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn Bình quân 2004-2014
1	Tổng doanh thu bình quân 10 năm trước thuế	17.009	18.974	20.574
2	Lợi nhuận bình quân/năm	1.328	1.569	3.701
3	Thu nhập bình quân người/năm	60	81,6	84,48
4	Nộp ngân sách NN	8.651	3.213	1.321
5	Giá trị TNBQ/ha	84,3	124,86	56

Đánh giá chung

- Tổng doanh thu bình quân 10 năm trước thuế của các công ty đều ngày càng tăng, một phần do đơn vị có khai thác rừng tự nhiên và rừng sản xuất là rừng trồng, tăng cường liên doanh, liên kết với các Nhà máy chế biến lâm sản và nông sản, tăng cường dịch vụ giống cây lâm nghiệp.

- Lợi nhuận bình quân/năm : ngày càng tăng do tăng doanh thu, tổ chức sản xuất hợp lý, do vậy chi phí sản xuất giảm và lợi nhuận hàng năm đều tăng.

- Thu nhập bình quân người/năm: công tác tổ chức, sắp xếp lại bộ máy quản lý ngày càng gọn nhẹ hơn, lao động được bố trí phù hợp, năng suất lao động được tăng cao làm việc có hiệu quả; cán bộ CNLĐ trong các Công ty luôn có tinh thần hăng say làm việc, nhiệt tình, tâm huyết, có kinh nghiệm, đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ cùng nhau khắc phục mọi khó khăn, gian khổ quyết tâm phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của Nhà nước giao và đơn vị đề ra. Đối với lao động quản lý đa số có kinh nghiệm, có trình độ

chuyên môn nghiệp vụ từ Trung cấp trở lên. Đối với lao động trực tiếp (QLBVR trồng, QLBVR tự nhiên) phần lớn là lao động phổ thông nên còn hạn chế về năng lực, hạn chế về chất lượng lao động.

Các công ty xây dựng và thực hiện Quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng mới áp dụng cho người lao động theo trình độ chuyên môn, chức vụ đảm nhiệm, khối lượng công việc được giao, được Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chấp thuận. Ngoài ra các CBCN lao động của các công ty đều được tham gia BHXH, BHYT và BH thất nghiệp 100%. Khi xảy ra rủi ro tai nạn, ốm đau bệnh tật... người lao động được giải quyết chế độ đầy đủ và kịp thời, đúng quy định Nhà nước; Bảo hộ lao động được trang bị đầy đủ hàng năm.

- Giá trị TNBQ/ha: các công ty đều tăng cao do các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu hàng năm đều hoàn thành và vượt kế hoạch được cấp trên giao. Giải quyết việc làm thường xuyên và tạo thu nhập ổn định đồng thời giải quyết công việc làm cho lực lượng lao động tại các địa phương theo thời vụ.

3. Tổng hợp tình hình diễn biến đất đai của các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh từ năm 2004 – 2014

a. Diện tích đất lâm nghiệp

Tăng thêm từ năm 2004 đến năm 2014 là 47.128 ha, do nhận bàn giao từ diện tích đất lâm nghiệp của Chi cục Kiểm lâm (thời kỳ trực thuộc UBND tỉnh) bàn giao sang và do thực hiện quy hoạch lại 03 loại rừng, trong đó có diện tích đất lâm nghiệp trước đây do UBND xã quản lý, chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào, nay thực hiện quy hoạch 3 loại rừng đó là đất rừng phòng hộ nên giao lại cho các Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý bảo vệ (*Chi tiết có biểu 11 kèm theo*). trong đó:

- Diện tích đất rừng sản xuất giảm 11.497 ha, do các lâm trường chỉ giữ lại diện tích sản xuất và một số diện tích phòng hộ, cảnh quan, còn lại chuyển giao cho địa phương quản lý sử dụng.

- Diện tích quy hoạch chức năng phòng hộ từ năm 2004 đến năm 2014 tăng thêm 1.557 ha, do các Ban quản lý rừng phòng hộ tiếp nhận diện tích phòng hộ chưa có chủ quản lý trên địa bàn các huyện như Vĩnh Thạnh, Vân Canh và An Lão để phát triển, bảo vệ và thụ hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- Diện tích rừng đặc dụng tăng thêm 27.153 ha, trong đó của Cty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn 1.521 ha, của BQL rừng đặc dụng An Toàn 22.450 ha và của BQL rừng phòng hộ Phù Cát, Vĩnh Thạnh 3.182 ha.

- Diện tích đất chưa sử dụng quy hoạch trồng rừng tăng 29.899 ha,

- Diện tích đất khác tăng 16 ha;.

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI TRONG LÂM TRƯỜNG QUỐC DOANH (CÔNG TY LÂM NGHIỆP, BAN QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG, PHÒNG HỘ) TỪ 2004 -2014

I. NHẬN ĐỊNH ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

- Toàn bộ diện tích rừng và đất rừng trên địa bàn tỉnh đã được xác lập và quy hoạch theo chức năng 3 loại rừng với cơ cấu tương đối hợp lý. Hệ thống tổ chức sản xuất lâm nghiệp được xác lập theo hướng xã hội hoá gồm nhiều hình thức tổ chức tham gia quản lý, sử dụng rừng khác nhau như các ban quản lý rừng, doanh nghiệp, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn và chính quyền địa phương. Các chủ rừng đã bước đầu có kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương từ hoạt động nghề rừng.

- Đẩy mạnh giao, cho thuê, khoán rừng, trong đó ưu tiên giao khoán rừng cho các hộ là đồng bào dân tộc thiểu số sống chủ yếu bằng nghề rừng trong vùng rừng đã xác lập quản lý; xây dựng thí điểm một số mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng để nhân ra diện rộng, từng bước góp phần giảm mức độ phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp so với thời kỳ trước năm 2004. Các đơn vị đã xây dựng quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng, các đoàn thể và phối hợp với các hộ nhận khoán tổ chức kiểm tra, phát hiện ngăn chặn kịp thời nên đã hạn chế tình trạng phát rừng làm nương rẫy, hạn chế việc khai thác rừng trái phép và cháy rừng.

2. Hạn chế, yếu kém

a. Đối với các Công ty TNHH Lâm nghiệp

- Diện tích đất lâm nghiệp do đơn vị tự tổ chức sản xuất chủ yếu là rừng tự nhiên và rừng trồng, địa bàn hoạt động rộng trong khi đó lực lượng bảo vệ rừng ít, sự phối hợp của chính quyền địa phương sở tại có hạn vì vậy trong công tác quản lý bảo vệ rừng còn gặp nhiều khó khăn.

- Thời gian qua, nhiều lúc, nhiều nơi đất rừng của các công ty bị người dân địa phương sở tại hoặc ngoài tỉnh lấn chiếm lâu dài để canh tác nương rẫy trái phép mà chưa có giải pháp ngăn chặn triệt để, như trường hợp người dân các xã của thị xã An Khê tỉnh Gia Lai lấn chiếm đất rừng của Cty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn đến nay vẫn chưa giải quyết triệt để.

- Diện tích đất trồng rừng của các Công ty đã được Nhà nước giao quản lý chưa thực sự hiệu quả, còn bỏ trống; một số trường hợp giao khoán đất để trồng rừng phòng hộ cho hộ gia đình, cá nhân chưa đúng quy định dẫn đến tại một số nơi, cử tri kiến nghị giao lại địa phương để giao đất cho một số hộ dân thiếu đất sản xuất.

b. Đối với các Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng

Việc giao, cho thuê, khoán rừng, đất rừng phòng hộ vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế; trách nhiệm của các cấp, các ngành, của chủ rừng đã được pháp luật quy định, nhưng công tác phân công, phối hợp chưa rõ ràng, đầy đủ và chế tài xử lý vi phạm còn chưa đủ mạnh nên tình trạng vi phạm trong quản lý đất lâm nghiệp vẫn còn xảy ra.

II. NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Nguyên nhân từ cơ chế chính sách

- Cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển lâm nghiệp chưa đồng bộ, chưa phù hợp thực tiễn sản xuất, phương án sử dụng rừng và đất rừng tính khả thi chưa cao. Kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng còn thấp (200.000 đồng/ha/năm, hiện nay mức khoán đối với các huyện thực hiện Nghị quyết 30a tăng lên 300.000 đồng ha/năm, nhưng với diện tích nhận khoán bình quân mỗi hộ khoảng 11ha thu nhập bình quân 1 năm chỉ khoảng 2,2 triệu hoặc 3,3 triệu), do vậy người dân chưa sống được bằng nghề rừng nên chưa gắn bó với việc chăm sóc, bảo vệ rừng; nguồn lực đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng tại vùng người dân sống gần rừng còn phân tán, nhiều cơ quan quản lý nên hiệu quả đầu tư của Nhà nước chưa cao, một số nơi còn để lãng phí.

- Chính quyền địa phương một số nơi đôi khi buông lỏng công tác quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, kinh phí cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng gặp khó khăn.

- Công tác rà soát, cắm mốc, giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào mục đích lâm nghiệp cho các pháp nhân mới hình thành sau khi sắp xếp các lâm trường đến nay chưa thực hiện được vì không có kinh phí thực hiện để thực hiện việc rà soát đất đai, điều chỉnh, đối chiếu quy hoạch 03 loại đất rừng, xác định diện tích và cắm mốc giới giao đất tại thực địa.

2. Nguyên nhân từ công tác tổ chức, chỉ đạo, thực hiện

- Sự phối hợp của chính quyền địa phương các cấp, các chủ rừng và lực lượng kiểm lâm trong công tác bảo vệ rừng đôi khi còn chưa đồng bộ.

- Việc xử lý hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng của một số địa phương chưa được quan tâm, có khi xử lý nhưng chưa đủ sức răn đe, từ đó dẫn đến tình trạng người dân còn vi phạm pháp luật bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, trách nhiệm của các chủ rừng có lúc, có nơi còn chưa cao.

3. Nguyên nhân từ nội tại các Công ty lâm nghiệp

- Các ban quản lý rừng quản lý rừng quản lý trên diện tích quá lớn, địa bàn rộng, phần lớn ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn; phương tiện đi lại, làm việc còn thiếu thốn, hạn chế; chế độ phụ cấp ngành nghề không có, phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

- Lực lượng kiểm tra, bảo vệ rừng chuyên trách của các ban quản lý còn thiếu, mỏng, kinh phí bố trí cho các hạng mục đầu tư không đủ, chưa kịp thời, nguồn kinh phí bố trí cho các hoạt động của các ban quản lý còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

PHẦN IV ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. ĐỐI VỚI QUỐC HỘI

1. Chỉ đạo Chính phủ cần điều chỉnh lại một số mức chi cho công tác khoán bảo vệ rừng giữa các vùng, miền cho phù hợp, cân đối bổ sung đủ lực

lượng bảo vệ rừng chuyên trách, kiểm lâm địa bàn, kiểm lâm rừng đặc dụng cho các địa phương theo định mức đã ban hành.

2. Về giám sát của Quốc hội và các cơ quan dân cử.

Tăng cường vai trò giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thông qua việc đưa nội dung kiểm tra, giám sát tình hình quản lý đất lâm nghiệp do các đơn vị quản lý vào trong chương trình công tác hàng năm.

II. ĐỐI VỚI CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

- Đề nghị Nhà nước sớm điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách hưởng lợi từ rừng thay thế chính sách phù hợp, tạo điều kiện và khuyến khích các hộ hăng hái tham gia bảo vệ rừng.

- Đề xuất nghiên cứu, điều chỉnh mức chi trả công tác khoán bảo vệ rừng cho phù hợp giữa chính sách khoán bình thường, khoán tại các vùng đang thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP và mức khoán được thanh toán theo Nghị định 99/2012/NĐ-CP về chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Hàng năm cần bổ sung thêm kinh phí sự nghiệp quản lý, bảo vệ rừng cho các địa phương để tăng cường trách nhiệm cho người nhận khoán; có cơ chế hỗ trợ thêm công cụ, dụng cụ tuần tra, bảo vệ rừng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các chính sách về quản lý đất đai lâm nghiệp tại các địa phương.

- Nghiên cứu giải pháp đưa người dân sinh sống trong vùng lõi của khu rừng đặc dụng tại xã An Toàn đến nơi khác phù hợp để công tác quản lý, bảo vệ rừng được chặt chẽ, hiệu quả.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành đơn giá nhận khoán, chăm sóc và bảo vệ rừng để người dân sống được bằng nghề rừng, từ đó sẽ toàn tâm, toàn ý trong việc chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng.

- Đề nghị Nhà nước cấp kinh phí để thực hiện công tác rà soát, cắm mốc, giao đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào mục đích lâm nghiệp cho các pháp nhân mới hình thành sau khi sắp xếp các lâm trường để các đơn vị vừa có cơ sở pháp lý, vừa có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

III. ĐỐI VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG, CÔNG TY LÂM NGHIỆP, BAN QUẢN LÝ RỪNG

1. Trách nhiệm, thẩm quyền của các địa phương trong việc tổ chức thực thi pháp luật, xử lý vi phạm

- Tăng cường chỉ đạo các cấp chính quyền địa phương, các chủ rừng và lực lượng kiểm lâm ngăn chặn có hiệu quả các hành vi xâm hại rừng và lấn chiếm đất rừng trái phép để bảo vệ hiệu quả toàn bộ diện tích rừng trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên khoán bảo vệ rừng cho các đối tượng là rừng tự nhiên có nguy cơ xâm hại cao, kiện toàn hệ thống kiểm lâm, đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ kiểm lâm địa bàn.

- Chỉ đạo UBND các địa phương, các cơ quan tư pháp, nội chính có chức năng xử lý nghiêm minh, đủ sức răn đe các trường hợp vi phạm về khai thác lâm sản trái pháp luật, xử lý dứt điểm từng trường hợp cụ thể, chấm dứt tình trạng dây, dưa, kéo dài; đồng thời tăng cường tuyên truyền và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng các trường hợp vi phạm đã được xử lý để các đối tượng có minh họa kịp thời chấm dứt.

2. Đề xuất các giải pháp của địa phương trong việc tổ chức thực thi pháp luật

- Xây dựng tiêu chí quản lý rừng bền vững, chứng chỉ rừng theo Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014.

- Thực hiện rà soát, đo đạc trên thực địa, quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp tại các đơn vị và địa phương; cấm mốc, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài cho các Công ty, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng.

- Chỉ đạo các Công ty, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động chế biến sử dụng rừng nguyên liệu từ khai thác rừng trồng tại các Công ty, để xây dựng phương hướng và giải pháp phát triển; nghiên cứu, đầu tư công nghệ chế biến theo vùng nguyên liệu phù hợp để sản phẩm có thương hiệu và đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Rà soát, đề xuất Chính phủ và các Bộ, Ngành TW sửa đổi hệ thống pháp luật về đất đai liên quan nông nghiệp nói chung, lâm nghiệp nói riêng, kiện toàn và bổ sung đầy đủ các văn bản pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng nhằm tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng.

- Tiếp tục xử lý các trường hợp cho thuê, cho mượn đất, đất bị lấn chiếm, tranh chấp, đất liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư; đất giao khoán, đất ở, đất kinh tế hộ gia đình.

- Thực hiện giao rừng tự nhiên gắn với giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất theo quy định của pháp luật. Đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất nhưng chưa được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo có khả năng phục hồi trong thời gian chưa khai thác thì thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ công ích theo phương thức Nhà nước đặt hàng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc trồng rừng, khai thác tận thu lâm sản, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng để khai thác rừng trái phép.

- Định giá rừng sản xuất là rừng trồng để làm cơ sở giao vốn thực hiện cổ phần hóa, liên doanh, liên kết, thế chấp vay vốn sản xuất, kinh doanh nghề rừng.

- Hoàn thiện hình thức giao khoán rừng, đất rừng cho hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng quản lý, chăm sóc, bảo vệ theo nguyên tắc cùng chịu trách

nhiệm quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và cùng hưởng lợi. Đẩy mạnh việc giao khoán rừng, đất rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng trên địa bàn.

- Có chương trình, kế hoạch triển khai, chuyển giao ứng dụng các tiến bộ, khoa học và công nghệ về giống mới, phân bón, cơ giới hóa, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến, giảm thất thoát sau thu hoạch; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ sinh học để sản xuất giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao (*công nghệ giám hom và công nghệ nuôi cấy mô*); cấp chứng chỉ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp cho các vườn cung cấp hom đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Tăng cường vai trò nòng cốt của các công ty lâm nghiệp trong việc hình thành và thực hiện mô hình liên kết sản xuất giữa hộ nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và các cơ sở khoa học - công nghệ.

- Tăng cường các hình thức tổ chức hội thảo, hội nghị đến tận cơ sở (*huyện, xã, thôn, tiểu khu rừng*); với sự tham gia của mỗi liên kết “4 nhà” nhằm xác định cơ cấu loài cây trồng chủ lực, các mô hình quy hoạch vùng sản xuất kinh doanh gỗ lớn phù hợp với lợi thế từng vùng nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, nhất là các đơn vị ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

- Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung phương pháp xác định giá thuê đất đối với đất sản xuất nông, lâm nghiệp theo hạng đất và địa bàn. Thực hiện chính sách miễn giảm tiền thuê đất theo quy định hiện hành: Nghiên cứu giảm thuế suất và để lại thuế tài nguyên cho gỗ khai thác từ rừng tự nhiên.

- Giải quyết dứt điểm và thỏa đáng chế độ cho người lao động chưa đến tuổi nghỉ hưu sau sắp xếp đổi mới không có việc làm.

- Hỗ trợ kinh phí để doanh nghiệp tổ chức đào tạo lại lao động, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý.

4. Trách nhiệm của các công ty nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng

- Xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu, nợ khó đòi, đề xuất các cơ quan chức năng hỗ trợ xử lý các khoản nợ không có khả năng thanh toán, nợ phải thu không còn đối tượng thu.

- Làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động bảo vệ rừng, hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Giải quyết dứt điểm và thỏa đáng chế độ cho người lao động chưa đến tuổi nghỉ hưu sau sắp xếp đổi mới không có việc làm, ưu tiên lực lượng lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Tiếp tục thực hiện chế độ đối với lao động dôi dư trong sắp xếp, chuyển đổi, thực hiện đúng, đầy đủ các chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và hỗ trợ đào tạo nghề đối với cán bộ, công nhân và người lao động sau chuyển đổi.

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ đã được phê duyệt và điều kiện thực tế của Công ty; các Công ty cần tiến hành rà soát đề đề xuất, bổ sung chức năng, nhiệm vụ khi xây dựng Phương án sắp xếp theo hướng tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết giữa phát triển vùng nguyên liệu với sản xuất, chế biến, và thị trường tiêu thụ, hình thành mô hình sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông, lâm công nghiệp, nâng cao giá trị hàng hóa, giá trị trên một đơn vị diện tích sản xuất.

- Các Công ty lâm nghiệp khẩn hoàn thành đầy đủ các thủ tục về quy hoạch bảo vệ, phát triển rừng, quy hoạch 3 loại rừng và Phương án quản lý rừng bền vững để báo cáo UBND tỉnh xin chủ trương thuê tư vấn Quốc tế vào Bình Định để thực hiện công tác tư vấn xây dựng quy trình và đánh giá chất lượng quản lý rừng bền vững theo Phương án đã được phê duyệt để có cơ sở cấp chứng chỉ rừng FSC Quốc tế.

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể từng đối tượng cây trồng, từng giai đoạn phát triển theo Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nói chung và Tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp nói riêng trên địa bàn tỉnh khi Đề án được UBND tỉnh phê duyệt.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện chính sách pháp luật về đất đai tại các lâm trường giai đoạn 2004 - 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Định. UBND tỉnh kính báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Quốc hội;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Thị Thu Hà;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (9b) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Trần Thị Thu Hà